

Số 239 /CSĐP - KTTV

Ngày 20 tháng 04 năm 2022

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh  
tổng hợp quý I -2022

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
(QUÝ I - 2022)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ I/2021	QUÝ I/2022	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	110.929.578.124	118.358.800.991	7.429.222.867	106,70
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 10 - 01 )	11		110.929.578.124	118.358.800.991	7.429.222.867	106,70
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	81.200.249.513	92.707.675.156	11.507.425.643	114,17
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	21		29.729.328.611	25.651.125.835	(4.078.202.776)	86,28
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	4.856.103.543	7.857.680.825	3.001.577.282	161,81
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	12.294.538	95.878.798	83.584.260	779,85
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25					
9	Chi phí bán hàng	26		1.136.413.791	652.999.339	(483.414.452)	57,46
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		9.366.218.580	8.440.057.276	(926.161.304)	90,11
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 ) }	31		24.070.505.245	24.319.871.247	249.366.002	101,04
12	Thu nhập khác	32		6.126.876.930	8.430.674.291	2.303.797.361	137,60
13	Chi phí khác	40		1.416.237.841	997.540.845	(418.696.996)	70,44
14	Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	50		4.710.639.089	7.433.133.446	2.722.494.357	157,79
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		28.781.144.334	31.753.004.693	2.971.860.359	110,33
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	5.860.972.417	6.251.199.025	390.226.608	106,66
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		22.920.171.917	25.501.805.668	2.581.633.751	111,26
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

**Giải Trình:**

Trong Quý I/2021: Sản lượng tiêu thụ là: 1.672,47 tấn; Giá bán bình quân: 46.470.643 VND/tấn.

Trong Quý I/2022: Sản lượng tiêu thụ là: 2.163,79 tấn; Giá bán bình quân: 42.238.249 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 1/2022 cao hơn quý 1/2021. Nhưng giá bán bình quân thấp hơn quý 1/2021.  
(giá bán bình quân quý 1/2022 giảm: 4.232.394 VND/tấn hay giảm 9,11 % so với quý 1/2021.

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 1/2022 tăng: 249.366.002 VND hay tăng 1,04% so với quý 1/2021.

+ Lợi nhuận khác quý 1/2022 tăng: 2.722.494.357 VND hay tăng 57,79 % so với quý 1/2021. Do doanh thu hợp tác KD đầu tư trồng chuối cấy mô và doanh thu nhượng quyền khai thác mỏ cao su tăng so với quý 1/2021 .

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý I/2022 tăng : 2.581.633.751 VND hay tăng: 11,26% so với quý I/2021.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (½ b)

